

Bản án số: 45/2018/HSST
Ngày: 01/6/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/HSST ngày 19 tháng 03 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn H (K); Sinh năm: 1992 tại tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; Số chứng minh nhân dân 28531xxxx; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; có vợ La Thị Thu H, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2017 cho đến nay (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Thế D; Sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

- Người làm chứng:

1/ Trần Trung N; Sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn b, xã Đ, huyện B, tỉnh B

2/ Phạm Hữu Q; Sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn c, xã P, huyện B, tỉnh B

3/ Nguyễn Quốc P; Sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Trú tại: khu H, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/12/2017, Trần Trung N gọi điện thoại cho H và hỏi H mua 500.000 đồng tiền ma túy đá thì H đồng ý và nói N mua dùm 02 cái bánh bao và 02 lon nước bò húc rồi đi vào nhà Phạm Thế D để lấy ma túy (do H cãi nhau với vợ nên xin ở nhờ nhà D). Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/12/2017 N đi vào nhà D gặp H. Tại đây N đưa bánh bao và nước ngọt mà N mua dùm H với số tiền 30.000 đồng, đồng thời N đưa thêm 370.000 đồng cho H và nói “cho thiếu lại 100.000 đồng”, H đồng ý. H đưa gói ma túy cho N, N cầm gói ma túy đi về được khoảng 30m thì bị Công an bắt giữ. Lúc này H hoảng sợ và đem gói ma túy vứt và bồn cầu xả nước tiêu hủy.

Ngoài ra, H còn khai nhận bán cho Phạm Hữu Q một lần vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/12/2017 tại khu nghĩa địa thị trấn Đức Phong với giá 300.000đ và bán cho Trần Trung N thêm một lần nữa vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/12/2017 với giá 300.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 637/2017/GĐMT ngày 14/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được gửi đến giám định là ma túy, trong lượng 0,1403gam là Methamphetamine.

Về vật chứng vụ án: 0,1047 gam trọng lượng Methamphetamine còn lại sau giám định, 03 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng/01 tờ, 01 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng/1 tờ, 01 điện thoại di động VIVO màu đen đã qua sử dụng. Tất cả các vật chứng nêu trên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bù Đăng đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để xử lý theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về vật chứng đã bị thu giữ. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 0,1047 gam trọng lượng Methamphetamine còn lại sau giám định và tịch thu sung quỹ nhà 03 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng/01 tờ, 01 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng/1 tờ, 01 điện thoại di động VIVO màu đen đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 29/CTr – VKS ngày 16/03/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Trần Văn H về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; về hình phạt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 07 đến 08 năm tù.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 0,1403gam là Methamphetamine (còn lại sau giám định) và 03 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng/01 tờ, 01 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng /1 tờ, 01 điện thoại di động VIVO màu đen đã qua sử dụng; Buộc bị cáo

Trần Văn H nộp lại số tiền 600.000 đồng. Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Trần Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Văn H hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 10/12/2017, Trần Trung N gọi điện thoại cho H và hỏi H mua 500.000 đồng tiền ma túy đá thì H đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/12/2017 Nghĩa đi vào nhà Phạm Thế D, trú tại thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước gặp H. Tại đây N đưa bánh bao và nước ngọt mà N mua dùm cho H với số tiền 30.000 đồng, đồng thời N đưa thêm 370.000 đồng cho H và thiếu lại 100.000 đồng, H đồng ý. H đưa gói ma túy cho N, N cầm gói ma túy đi về được khoảng 30m thì bị Công an bắt giữ. Lúc này H hoảng sợ và đem gói ma túy vứt và bồn cầu xả nước tiêu hủy. Ngoài ra, H còn khai nhận bán cho Phạm Hữu Q một lần vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/12/2017 tại khu nghĩa địa thị trấn Đức Phong với giá 300.000 đồng và bán cho Trần Trung N thêm một lần nữa vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/12/2017 với giá 300.000 đồng.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Văn H đã phạm vào “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a)

b) Phạm tội nhiều lần;”

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của

Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 24/9/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ tuyên phạt 21 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 tại bản án số 55/2014/HSST và ngày 13/12/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B tuyên phạt 02 năm tù về tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 tại bản án số 115/2012/HSST. Mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự 1999. Bị cáo có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 41 Bộ Luật Hình sự 1999, điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 cần tịch thu tiêu hủy số ma túy 0,1403 gam là Methamphetamine còn lại sau giám định và tịch thu sung quỹ nhà nước 03 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng/01 tờ, 01 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000đ, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng/1 tờ, 01 điện thoại di động VIVO màu đen đã qua sử dụng, là công cụ dùng phạm tội và tiền do phạm tội mà có.

Đối với số tiền 600.000 đồng mà bị cáo có được từ việc bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với Trần Trung N, Phạm Hữu Q đã có hành vi mua ma túy của Trần Văn H nhưng với mục đích để sử dụng và chưa đủ định lượng để xử lý hình sự về hành vi tàng trữ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng chuyển hồ sơ về Ủy ban nhân dân nơi các đối tượng cư trú để xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với người đã bán số ma túy cho bị cáo Trần Văn H nhưng do chưa xác định nhân thân lai lịch nên không đề cập xử lý.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về hình phạt là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H (K) phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 194, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H (K) 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2017.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 637 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động VIVO màu đen và số tiền 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009587 ngày 13/03/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

Buộc bị cáo Trần Văn H nộp số tiền 600.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long